TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **290**/2022/QĐST-HNGĐ.	*Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23-122022**,** tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 04-11-2022, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 291/2022/QĐPH-ST ngày 07-12-2022, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông N.V.Quý, sinh năm 1965; Hộ chiếu số N2005808 do Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan cấp ngày 02-01-2019.

Số công dân tại nước Cộng hòa Ba Lan: 65092214496.

Địa chỉ ở nước ngoài: Krakow - Cộng hòa Ba Lan.

Địa chỉ nơi ở tại Việt Nam: Số 21 ngõ 125 V.T.V, quận T.X, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bà D.T.Nhung, sinh năm 1968; Căn cước công dân số 001168023186 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11-4-2021.

Địa chỉ nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 10 ngách 210/1 H.V.T, phường K.M, quận T.X, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 21 ngõ 125 V.T.V, quận T.X, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Ông N.V.Quý và bà D.T.Nhung có quan hệ quen biết và chung sống như vợ chồng tại Ba Lan từ trước năm 2000. Ngày 24-8-2005, ông N.V.Quý và bà

D.T.Nhung đã đi đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan; vợ chồng chung sống tại Ba Lan. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, bất hoà. Năm 2010, bà D.T.Nhung đã trở về Việt Nam sinh sống và làm việc từ đó đến nay; còn ông N.V.Quý vẫn sinh sống, làm việc ở Ba Lan.

Đến năm 2021, ông N.V.Quý trở về Việt Nam sinh sống nhưng vợ chồng vẫn không thể hoà hợp. Các đương sự đều nhận thấy cuộc sống không còn hoà hợp, vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ với nhau nên đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa các bên đương sự.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là N.C.Tú, sinh ngày 28-6-2000, hiện đã trưởng thành và đang chung sống cùng bà bà D.T.Nhung. Các đương sự đều xác nhận việc cháu N.C.Tú đã trưởng thành và phát triển bình thường nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận việc phân chia tài sản chung và đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về lệ phí: Ông N.V.Quý tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên họp:

Ông N.V.Quý và bà D.T.Nhung đều có mặt và trình bày quan điểm: Việc các bên đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện vè đều yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự, để giúp hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; do ông N.V.Quý sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bào thực hiện trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là N.C.Tú, sinh ngày 28-6-2000, hiện cháu Tú đã trưởng thành và phát triển tốt nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra công khai tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung.

[2.1] Về tình cảm: Ông N.V.Quý kết hôn với bà D.T.Nhung là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan ngày 24-8-2005, nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng nhau chung sống tại Ba Lan. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Năm 2010, bà D.T.Nhung đã trở về Việt Nam và sinh sống tại Việt Nam từ đó đến nay; còn ông N.V.Quý vẫn sinh sống, làm việc ở Ba Lan. Đến tháng 7-2021, ông N.V.Quý trở về Việt Nam sinh sống nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến nay, ông Quý và bà Nhung đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Căn cứ quy định tại các Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông N.V.Quý và bà D.T.Nhung đều thống nhất xác nhận: Vợ chồng có 01 con chung là chị N.C.Tú, sinh ngày 28-6-2000, hiện đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự; các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:

Ông N.V.Quý và bà D.T.Nhung đều có quan điểm: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết và đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự về giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trong một vụ án dân sự khác (nếu có).

[3] Về lệ phí ly hôn: Ông N.V.Quý tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự nên Tòa án ghi nhận.

Từ những nhận xét trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370 và Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông N.V.Quý và bà D.T.Nhung. Ông N.V.Quý và bà D.T.Nhung chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là N.C.Tú, sinh ngày 28-6-2000. Hiện chị N.C.Tú đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét về vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự về giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong một vụ án dân sự khác (nếu có).

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận việc ông N.V.Quý tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Quý đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001116 ngày 21-10-2022 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Ông N.V.Quý đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 23-12-2022./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *Người yêu cầu;*
- *Lưu HS + VP.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Chí Nguyện